

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ K  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 4 - 2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN.**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Trình Văn Út.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Vũ Thị Đức.

Ông Cao Ngọc Thạch.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Trương Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

Ngày 20/4/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/QĐXX-ST ngày 10 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kiều T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 44, ấp M, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 44, ấp M, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn của bà Lê Thị Kiều T và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*Nguyên đơn bà Lê Thị Kiều T trình bày:* Sau thời gian tìm hiểu khoảng 2 năm bà và ông X tiến hành tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân B, thị xã K, hôn nhân tự nguyện không ai ép buộc. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông X thường X chơi đá gà, nhậu, có tính gia trưởng đánh bà nhiều lần, bà đã chịu đựng và khuyên nhiều lần nhưng ông X không sửa chữa khắc phục. Từ đó, tình cảm vợ chồng rạn nứt và thường xuyên cãi vã nhau dẫn đến bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Sự việc xảy ra đã được gia đình giải quyết nhưng không có kết quả. Do đó, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông X trả tự do cho nhau.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chúng tôi có người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc S, sinh ngày 31/12/2009, giới tính nữ. Khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ một tháng, nếu ông X không đồng ý thì cấp dưỡng theo quy định của pháp luật đến khi con tròn 18 tuổi.

Về tài sản và nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nhận được đơn khởi kiện của bà T Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngày 5/4/2018 bà T và ông X đã thống nhất thỏa thuận được việc giải quyết toàn bộ vụ án, Tòa án đã lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành. Đến ngày 09/4/2018 ông X có đơn thay đổi ý kiến, lý do sau khi thỏa thuận ly hôn hai bên về làm văn bản chia tài sản chung bà T ký tên tại nhà chứ không đồng ý lên xã ký nên ông không đồng ý ly hôn. Vì vậy, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

#### *Về tố tụng:*

[ ] Bà Lê Thị Kiều T làm đơn khởi kiện xin ly hôn, quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 44, ấp M, xã B, thị xã K, tỉnh Long An. Tòa án nhân dân thị xã K thụ lý giải quyết là phù hợp với Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### *Về nội dung:*

[1] Về hôn nhân: Tại phiên tòa bà Lê Thị Kiều T xác định không còn tình nghĩa vợ chồng với ông Nguyễn Văn X, không còn điều kiện, khả năng để hàn gắn trở lại xây dựng hạnh phúc gia đình nuôi dạy con chung nên yêu cầu được ly hôn với ông X. Còn ông X cho rằng còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy, tình cảm vợ chồng của bà T ông X đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, hiện tại hai người đã sống ly thân. Đồng thời, ông X không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được điều kiện, khả năng để hàn gắn trở lại xây dựng hạnh phúc gia đình. Mặt khác, nguyên nhân ông X thay đổi ý kiến là do bà T không đồng ý lên xã ký giấy chia tài sản chứ không phải vì còn thương vợ, thương con mà ông X không đồng ý ly hôn. Vì vậy, cần xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật tại Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Bà Lê Thị Kiều T yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc S, sinh ngày 31/12/2009, giới tính nữ. Xét thấy, yêu cầu của bà T là hoàn toàn tự nguyện đúng với nguyện vọng của cháu S và từ khi sống ly thân với ông X đến nay bà chăm sóc người con chung phát triển bình thường như bao trẻ khác. Vì vậy, chấp nhận yêu

cầu của bà T là phù hợp với quy định của pháp luật tại Khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc S, sinh ngày 31/12/2009 mỗi tháng 650.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5 năm 2018 đến khi con tròn 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật tại Khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Kiều T và ông Nguyễn Văn X tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 3, Điểm a Khoản 5, Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Bà T phải chịu tiền án phí ly hôn, ông X phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách Nhà nước.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 và từ Điều 81 đến Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Điểm a Khoản 5; Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kiều T đối với ông Nguyễn Văn X.

Về hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị Kiều T ly hôn với ông Nguyễn Văn X.

Về con chung: Tiếp tục giao người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc S, sinh ngày 31/12/2009, giới tính nữ cho bà Lê Thị Kiều T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Nguyễn Văn X phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc S, sinh ngày 31/12/2009 mỗi tháng 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi ngàn đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5 năm 2018 đến khi cháu Nguyễn Thị Ngọc S tròn 18 tuổi.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi

hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí:

Bà Lê Thị Kiều T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0006677 ngày 27/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K, tỉnh Long An. Bà Lê Thị Kiều T nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn X phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã;
- Chi cục THADS thị xã;
- UBND xã B, thị xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trình Văn Út**

